

Số: **08**/2024/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày **05** tháng **02** năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận tải hành khách đáp ứng nhu cầu đi lại của người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk ban hành kèm theo Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Du lịch ngày 19 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; Nghị định số 47/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;

Căn cứ Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; Thông tư số 02/2021/TT-BGTVT ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý



hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; Thông tư số 17/2022/TT-BGTVT ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 87/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô;

Căn cứ Thông tư số 90/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô khách thành phố;

Căn cứ Thông tư số 26/2019/TT-BGTVT ngày 01 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ô tô khách thành phố để người khuyết tật tiếp cận sử dụng và 05 Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phụ tùng, linh kiện ô tô, mô tô, xe gắn máy;

Căn cứ Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ; Thông tư số 06/2023/TT-BGTVT ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến quản lý, khai thác, sử dụng, bảo trì và bảo vệ đường bộ; Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng và giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 236/TTr-SGTVT ngày 29 tháng 01 năm 2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về hoạt động vận tải

đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận tải hành khách đáp ứng nhu cầu đi lại của người khuyết tật trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, ban hành kèm theo Quyết định số 15/2022/QĐ-UBND ngày 25 tháng 4 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 3 như sau:

“2. Xe ô tô kinh doanh vận tải hành khách, xe ô tô kinh doanh vận tải hàng hóa phải lắp thiết bị giám sát hành trình, lắp đặt camera theo quy định tại Điều 12, khoản 2 Điều 13, khoản 2 Điều 14 của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô; khoản 2 Điều 1 của Nghị định số 47/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô. Việc quản lý dữ liệu hình ảnh từ camera lắp trên xe ô tô tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 02/2021/TT-BGTVT ngày 04 tháng 02 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ; điểm c khoản 1 Điều 17 Thông tư số 05/2023/TT-BGTVT ngày 27 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ, dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ, phương tiện và người lái.”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 4 Điều 7 như sau:

“a) Thực hiện theo quy định tại Điều 53, Điều 67, Điều 68 và Điều 72 Luật Giao thông đường bộ năm 2008; các quy định tại Điều 13, Điều 17 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP; khoản 3, khoản 4 Điều 1 Nghị định số 47/2022/NĐ-CP và các quy định tại Điều 3 của Quy định này.”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 5 Điều 8 như sau:

“d) Thời gian và loại phương tiện vận tải hàng hóa trong đô thị được quy định tại khoản 7 Điều 10 của Quy định này. Trường hợp phương tiện vượt quá tải trọng, phải thực hiện cấp Giấy phép lưu hành xe theo quy định tại Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bán xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ; được sửa đổi, bổ sung tại

Thông tư số 35/2023/TT-BGTVT ngày 13 tháng 12 năm 2023.”.

4. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 10 như sau:

“5. Ô tô phục vụ vệ sinh môi trường: Được hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đường trong đô thị.”.

b) Sửa đổi, bổ sung khoản 6 Điều 10 như sau:

“6. Xe máy thi công chỉ được hoạt động trong phạm vi công trường, giới hạn hai đầu biển báo công trường. Phương tiện chở vật liệu, cấu kiện xây dựng, thiết bị, chất thải do hoạt động thi công xây dựng trong đô thị phải tuân thủ quy định như đối với phương tiện vận tải hàng hóa tại khoản 7 Điều này; trường hợp phương tiện phục vụ thi công các dự án đầu tư công, xe trộn bê tông, xe bơm bê tông vượt quá tải trọng thì được lưu thông trong đô thị với thời gian và lộ trình nhất định khi có Giấy phép lưu hành xe do cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều 8 của Quy định này.”.

c) Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 10 như sau:

“7. Phương tiện vận tải hàng hóa có khối lượng chuyên chở cho phép (xác định theo Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ) từ 1,5 tấn trở xuống được hoạt động 24/24 giờ; phương tiện vận tải hàng hóa có khối lượng chuyên chở cho phép từ trên 1,5 tấn đến 3,5 tấn được lưu thông trong đô thị trừ các khoảng thời gian giờ cao điểm; phương tiện vận tải hàng hóa có khối lượng chuyên chở cho phép trên 3,5 tấn chỉ được phép lưu thông trong đô thị vào khoảng thời gian từ 22 giờ 00 phút tối hôm trước đến 06 giờ 00 phút sáng ngày hôm sau. Phương tiện phục vụ cứu hộ vận tải đường bộ được hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đường trong đô thị khi thực hiện công tác cứu hộ.”.

d) Sửa đổi, bổ sung khoản 9 Điều 10 như sau:

“9. Các loại xe phục vụ mục đích công cộng: Xe phục vụ công tác bảo trì hệ thống báo hiệu đường bộ, công trình thiết yếu (công trình viễn thông, điện lực, công trình chiếu sáng đường bộ, cấp nước, thoát nước), chăm sóc cây xanh trong đô thị, phương tiện vận tải chuyên ngành để cung ứng dịch vụ bưu chính công ích được phép hoạt động 24/24 giờ trên các tuyến đường trong đô thị, trong quá trình hoạt động phải có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông và vệ sinh môi trường.”.

5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 17 như sau:

“Căn cứ tình hình thực tế của đô thị trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố, xác định khung giờ cao điểm và giới hạn khu vực đô thị, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Giới hạn khu vực đô thị là khu vực được giới hạn bởi các tuyến đường cụ thể, tạo thành một vùng khép kín; giới hạn khu vực đô thị không nhất thiết phải trùng với địa giới hành chính của đô thị.”.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày **15** tháng **02** năm 2024.
2. Trường hợp các văn bản pháp luật được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.
3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành có liên quan thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận

- Văn phòng Chính phủ (b/c);
- Bộ Giao thông vận tải;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Vụ Pháp chế - Bộ Giao thông vận tải;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Như khoản 3 Điều 2;
- Sở Tư pháp;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Đắk Lắk;
- Báo Đắk Lắk;
- Trung tâm Công nghệ và Công TTĐT tỉnh;
- VP UBND tỉnh: Các PCVP; các P, TT;
- Lưu: VT, CN_(Hg.100).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị

